

PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN ĐA DẠNG VĂN HÓA VÙNG MIỀN TRONG LỚP HỌC NÓI TIẾNG ANH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TƯƠNG TÁC GIẢNG VIÊN - SINH VIÊN TẠI MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

A DISCOURSE ANALYSIS OF REGIONAL CULTURAL DIVERSITY IN ENGLISH-SPEAKING CLASSROOMS: A CASE STUDY OF TEACHER-STUDENT INTERACTION AT A VIETNAMESE UNIVERSITY

Huỳnh Thị Bích Phượng¹, Trần Thanh Dũ^{2*}

¹Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Trường Đại học Thủ Dầu Một, Việt Nam

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: dutt@tdmu.edu.vn

(Nhận bài / Received: 17/10/2025; Sửa bài / Revised: 05/7/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 22/5/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(6B).582

Tóm tắt - Nghiên cứu này phân tích diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học nói tiếng Anh của sinh viên năm nhất ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Dựa trên khung năng lực giao tiếp liên văn hóa của Byram [1] và sáu góc nhìn văn hóa của Duranti [2], nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính theo hướng nghiên cứu trường hợp, thông qua quan sát một buổi thực hành nói tại lớp gồm 35 sinh viên, kéo dài 5 tiết và phỏng vấn bán cấu trúc với giảng viên, sinh viên. Kết quả cho thấy sinh viên miền Bắc thường thận trọng và chuẩn mực, sinh viên miền Trung có xu hướng ngắn gọn, né tránh tranh luận, trong khi sinh viên miền Nam chủ động và linh hoạt hơn trong tương tác. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của giảng viên trong điều phối lớp học, giảm rào cản giao tiếp và thúc đẩy năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên.

Từ khóa - Diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền; lớp học tiếng Anh; đa dạng văn hóa vùng miền vùng miền; sinh viên năm nhất

Abstract - This study explores the regional cultural diversity in discourse practice in English teaching classrooms for English-majored first-year students at Ho Chi Minh City University of Banking. This research is a qualitative case study based on Byram's [1] model of Intercultural Communicative Competence and Duranti's [2] six perspectives on culture. The data collection process consisted of observing a speaking lesson during 5 periods with 35 students and a Vietnamese teacher and semi-structured interviews with teacher and students. The results indicate that there are different ways of communicating in different spaces. North students are more reluctant, rule-bound, Centre students are more concise, less participative in debate, South students are more dynamic, flexible in their exchanges. The study stresses the significance of the teacher's role in the promotion of interaction in the classroom, the removal of communication barriers and the development of students' intercultural communicative competence in a culturally diverse learning environment.

Key words - Multicultural discourse; English classroom; regional diversity; first-year students

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh - đặc biệt là kỹ năng nghe và nói - trở thành mục tiêu trọng tâm đối với sinh viên ngành ngôn ngữ Anh tại Việt Nam nói chung, tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh nói riêng. Các lớp học kỹ năng nghe-nói, nhất là học phần Nghe-Nói 1 (đầu tiên trong chương trình đào tạo), đóng vai trò nền tảng, chuẩn bị cho sinh viên khả năng phân xạ, giao tiếp lưu loát và thích nghi với môi trường học thuật quốc tế.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, các lớp học này thường có sự không đồng đều về trình độ đầu vào: sinh viên năm nhất đến từ nhiều vùng miền khác nhau, có nền tảng tiếng Anh, kinh nghiệm học tập, thói quen giao tiếp và mức độ tự tin rất khác biệt. Trong khi đó, yêu cầu chuẩn đầu ra của học phần là B1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam - đòi hỏi sinh viên phải đạt được khả năng nghe, nói tiếng Anh một cách tương đối thành thạo, phân xạ tốt theo chủ đề trong giáo trình.

Khó khăn lớn nhất mà giảng viên phải đối mặt khi giảng dạy học phần Nghe-Nói 1 là việc điều phối và hỗ trợ một lớp học có sự đa dạng về văn hóa vùng miền từ Bắc, Trung, Nam đến thành thị, nông thôn - khi mỗi nhóm sinh viên mang theo những thói quen phát biểu, biểu đạt cảm xúc, phản hồi và xử lý tình huống giao tiếp rất khác biệt. Không chỉ vậy, phần lớn sinh viên năm nhất vẫn chưa có nhiều hiểu biết về văn hóa Anh - Mỹ, đồng thời còn chịu ảnh hưởng mạnh từ phong cách giao tiếp phổ thông và đặc trưng vùng miền của Việt Nam. Điều này càng bộc lộ rõ nét trong các hoạt động giao tiếp nói trên lớp: nhiều sinh viên rụt rè, ngại phát biểu, thường sử dụng ngôn ngữ vòng vo, thiếu phản xạ trong các tình huống giao tiếp học thuật hoặc gặp khó khăn khi cần bày tỏ ý kiến và tranh luận bằng tiếng Anh.

Kết quả là, giảng viên phải đối mặt với thách thức lớn trong việc xây dựng một không khí lớp học cởi mở, tạo sự cân bằng giữa các nhóm sinh viên, đồng thời giúp các em từng bước tiếp cận và làm quen với chuẩn giao tiếp văn hóa Anh - Mỹ. Sự khác biệt và khoảng cách về trình

¹ Ho Chi Minh City University of Banking, Vietnam (Huynh Thi Bich Phuong)

² Thu Dau Mot University, Vietnam (Tran Thanh Du)

độ đầu vào, vùng miền, cũng như tính cách cá nhân khiến cho những “điểm nóng” về diễn ngôn như hiểu lầm, rụt rè, chênh lệch mức độ chủ động hoặc hạn chế hiệu quả dạy - học kỹ năng nói tiếng Anh dễ dàng xuất hiện. Trong bối cảnh đó, việc phân tích diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học Nghe-Nói 1 - với một giảng viên người Việt Nam và sinh viên năm nhất đến từ nhiều vùng miền, trình độ đầu vào không đồng đều nhưng cùng hướng tới chuẩn đầu ra B1 - trở nên đặc biệt cần thiết. Nghiên cứu này không chỉ giúp nhận diện rõ ràng các rào cản, khó khăn giao tiếp diễn hình, mà còn tạo cơ sở để đề xuất những giải pháp phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng nói tiếng Anh tại các trường đại học Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu nghiên cứu: (1) Nhận diện các đặc điểm giao tiếp đa dạng văn hóa vùng miền nổi bật giữa giảng viên và sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh trong lớp học nói tiếng Anh, đặc biệt chú ý đến sự khác biệt về văn hóa vùng miền và tính cách cá nhân. (2) Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa, giúp sinh viên năm nhất thích nghi và tiến bộ trong kỹ năng nói tiếng Anh.

Câu hỏi nghiên cứu: (1) Những đặc điểm diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền nào nổi bật giữa giảng viên và sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh trong lớp học nói tiếng Anh? (2) Có những nét tương đồng và khác biệt nào về đặc điểm diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền giữa giảng viên và sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh trong lớp học nói tiếng Anh?

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Về diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền

Diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền là quá trình sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, chia sẻ ý tưởng, thể hiện quan điểm và tương tác giữa các cá nhân đến từ những nền văn hóa, vùng miền hoặc hệ giá trị khác nhau [2]. Trong môi trường lớp học nói tiếng Anh, diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền thể hiện ở việc các thành viên mang theo những cách sử dụng ngôn ngữ, phong cách biểu đạt, quy tắc lịch sự, cũng như hệ giá trị và niềm tin riêng biệt vào quá trình giao tiếp học thuật [3]. Diễn ngôn này không chỉ phản ánh sự đa dạng về ngôn ngữ, mà còn thể hiện các yếu tố như sự khác biệt trong cách tiếp cận vấn đề, phong cách tranh luận, hình thức ứng xử, sử dụng ẩn dụ văn hóa, hoặc thái độ đối với quyền lực và sự tham gia tập thể. Chính những đặc điểm này làm cho giao tiếp trong lớp học ngoại ngữ trở nên phong phú, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức về sự hiểu biết, thích nghi và xây dựng môi trường học tập hòa nhập, hiệu quả cho tất cả các thành viên.

Nghiên cứu về giao tiếp liên văn hóa trong dạy và học tiếng Anh đã nhận được nhiều sự quan tâm trong những năm gần đây. Theo các tác giả, năng lực giao tiếp liên văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học thích nghi với các bối cảnh giao tiếp đa dạng về văn hóa [1]. Các đặc điểm văn hóa và thói quen giao tiếp vùng miền có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi ngôn ngữ và cách thức tương tác của cá nhân [4], [5]. Bên cạnh đó, việc tích hợp học tập liên văn hóa trong lớp học ngoại ngữ cũng góp phần nâng cao nhận thức và khả năng tương tác của người học [6]. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ

yếu tập trung vào nhận thức văn hóa hoặc tích hợp văn hóa trong giảng dạy, trong khi ảnh hưởng của sự đa dạng văn hóa vùng miền đến diễn ngôn trong lớp học nói tiếng Anh tại các trường đại học Việt Nam vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ. Khoảng trống này là cơ sở cho nghiên cứu hiện tại.

2.2. Khái quát về giao tiếp liên văn hóa trong lớp học ngoại ngữ

Diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học ngoại ngữ là quá trình sử dụng ngôn ngữ để trao đổi, thể hiện quan điểm, và tương tác giữa các thành viên đến từ những nền văn hóa, vùng miền hoặc hệ giá trị khác nhau [2]. Trong bối cảnh lớp học nói tiếng Anh ở đại học Việt Nam, đặc biệt ở học phần Nghe-Nói đầu tiên của sinh viên ngành ngôn ngữ Anh, diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền xuất hiện không chỉ trong giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên mà còn nổi bật trong các tương tác giữa sinh viên với nhau. Mỗi sinh viên mang theo những đặc trưng vùng miền, thói quen sử dụng ngôn ngữ và kinh nghiệm cá nhân riêng biệt, từ đó tạo ra sự đa dạng về cách phát biểu, lập luận, phản hồi và ứng xử trong lớp. Thực tế này đặt ra nhiều thách thức cho cả giảng viên và sinh viên, nhất là khi trình độ đầu vào không đồng đều, trong khi mục tiêu của học phần là phát triển kỹ năng nghe-nói tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra như nhau. Việc nhận diện và phân tích các đặc điểm của diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền là cơ sở quan trọng để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động lớp học, giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp học thuật, thích nghi với môi trường học tập đa dạng và hội nhập tốt hơn.

2.3. Ảnh hưởng của yếu tố vùng miền và cá nhân đến diễn ngôn lớp học

Văn hóa vùng miền được xem là một trong những yếu tố quan trọng góp phần định hình phong cách giao tiếp và hành vi diễn ngôn của người học trong lớp học ngoại ngữ. Trong bối cảnh Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, các chuẩn mực văn hóa và thói quen giao tiếp có sự khác biệt nhất định giữa các vùng miền, từ đó ảnh hưởng đến cách người học tham gia tương tác và thể hiện quan điểm trong môi trường học thuật [4], [5]

Kết quả của các nghiên cứu cũng cho thấy, sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau có xu hướng thể hiện những đặc điểm giao tiếp riêng biệt trong lớp học nói tiếng Anh. Ví dụ, sinh viên miền Bắc thường có xu hướng cẩn trọng, chú trọng tính chuẩn mực và cân nhắc kỹ trước khi phát biểu; sinh viên miền Trung có xu hướng diễn đạt ngắn gọn, tập trung vào nội dung chính và hạn chế mở rộng tương tác; trong khi đó, sinh viên miền Nam thường thể hiện sự cởi mở, linh hoạt và chủ động hơn trong quá trình giao tiếp.

Ngoài ra, tính cách cá nhân như sự rụt rè, thiếu tự tin hay ngược lại là chủ động, mạnh dạn phát biểu, cũng tác động trực tiếp tới mức độ tham gia và chất lượng diễn ngôn trong lớp học. Đối với sinh viên năm nhất, những yếu tố này thường trở thành rào cản hoặc động lực quan trọng trong việc phát triển kỹ năng nghe-nói, đồng thời tạo ra những thách thức không nhỏ cho giảng viên khi cần điều phối một tập thể đa dạng.

2.4. Khung lý thuyết về năng lực giao tiếp liên văn hóa (ICC) của Byram

Khung năng lực giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communicative Competence - ICC) của Byram [1] cung cấp một nền tảng toàn diện để đánh giá và phát triển năng lực giao tiếp trong môi trường đa dạng văn hóa vùng miền. Byram xác định ICC gồm năm thành tố: kiến thức (về ngôn ngữ, văn hóa gốc và văn hóa đích); thái độ (sẵn sàng cởi mở, tôn trọng sự khác biệt); kỹ năng diễn giải - liên hệ (phân tích, đối chiếu các yếu tố văn hóa); kỹ năng khám phá - tương tác (chủ động thích nghi, xử lý tình huống giao tiếp mới); và nhận thức phản tư văn hóa (phê phán, điều chỉnh hành vi phù hợp với bối cảnh). Trong lớp học nói tiếng Anh, ICC giúp giảng viên và sinh viên nhận diện và giải quyết các “điểm nóng” về giao tiếp, thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và xây dựng môi trường học tập đa dạng văn hóa vùng miền lành mạnh, hiệu quả.

2.5. Sáu góc nhìn về văn hóa theo đề xuất của Duranti

Duranti [2] đề xuất sáu góc nhìn toàn diện để tiếp cận và phân tích văn hóa: văn hóa là tri thức, là truyền thông, là thực hành, là hệ thống, là lịch sử và là bản sắc. Theo Duranti, văn hóa là tri thức (knowledge), bao gồm những niềm tin, giá trị và hiểu biết chung giúp cộng đồng lý giải thế giới và hành động phù hợp. Văn hóa là truyền thông (communication), nghĩa là các giá trị văn hóa được duy trì, truyền đạt thông qua ngôn ngữ, ký hiệu, nghi lễ và giao tiếp hàng ngày. Văn hóa là thực hành (practice), thể hiện qua các hành động, thói quen, quy tắc ứng xử thực tế của mỗi cá nhân. Văn hóa là hệ thống (system), với các mối quan hệ xã hội, cấu trúc, biểu tượng và quy tắc gắn kết các thành viên cộng đồng. Văn hóa là lịch sử (history), nhấn mạnh quá trình hình thành, biến đổi, kế thừa giá trị và ký ức tập thể theo thời gian. Cuối cùng, văn hóa là bản sắc (identity), chính là yếu tố giúp xác định, thể hiện và phân biệt bản sắc cá nhân, nhóm hay dân tộc trong xã hội.

Cách tiếp cận sáu góc nhìn này giúp mở rộng phạm vi nhận diện văn hóa trong lớp học ngoại ngữ, không chỉ dừng lại ở nội dung kiến thức hay biểu hiện giao tiếp bên ngoài, mà còn bao gồm thói quen thực hành hàng ngày, các quy tắc ngầm định, lịch sử hình thành tập thể lớp học, và quá trình sinh viên tự xây dựng bản sắc cá nhân - vùng miền - chuyên ngành. Ví dụ, văn hóa giao tiếp vùng miền ảnh hưởng rõ đến cách sinh viên chủ động hay chờ đợi phát biểu, lựa chọn từ ngữ, cũng như hình thành các “luật chơi” nhóm khi học nói tiếng Anh. Sáu góc nhìn này còn giúp lý giải sâu sắc sự thay đổi trong nhận thức, hành vi giao tiếp của sinh viên khi dần thích nghi với môi trường học thuật mới và hội nhập đa dạng văn hóa vùng miền.

2.6. Sự kết hợp hai khung lý thuyết trong nghiên cứu diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền lớp học nói

Việc kết hợp khung ICC của Byram [1] và sáu góc nhìn về văn hóa của Duranti [2] trong nghiên cứu này không chỉ đảm bảo tính toàn diện về mặt lý thuyết mà còn tăng chiều sâu phân tích hiện tượng thực tiễn trong lớp học nói tiếng Anh. ICC tập trung vào các thành tố cốt lõi để đánh giá, phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa, còn sáu góc nhìn của Duranti giúp soi chiếu các khía cạnh thực hành, hệ thống quy tắc, lịch sử hình thành và bản sắc giao tiếp vùng

miền trong môi trường học tập. Nhờ đó, nghiên cứu có thể vừa xác định rõ ràng các khó khăn, rào cản trong giao tiếp lớp học nói tiếng Anh đa vùng miền, vừa đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn đào tạo ngoại ngữ ở Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa cho sinh viên ngành ngôn ngữ Anh.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp định tính theo dạng nghiên cứu trường hợp (case study) [7], tập trung vào việc quan sát và phân tích một buổi thực hành nói trong lớp học Nghe-Nói 1 [8]. Bối cảnh nghiên cứu là một lớp học nói tiếng Anh do một giảng viên người Việt Nam phụ trách, với thành phần sinh viên năm nhất đến từ nhiều vùng miền khác nhau và trình độ đầu vào không đồng đều. Sự đa dạng này tạo điều kiện thuận lợi để nhận diện các đặc điểm điển hình của diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền cũng như các thách thức giao tiếp nổi bật trong môi trường lớp học ngoại ngữ ở bậc đại học.

3.2. Đối tượng và thời lượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là vấn đề quan tâm của nghiên cứu - vấn đề về diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học nói tiếng Anh của sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

Đối tượng khảo sát là 1 lớp học gồm 35 sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh và một giảng viên người Việt Nam đang giảng dạy học phần Nghe-Nói 1. Việc quan sát được tiến hành trong một buổi thực hành nói kéo dài liên tiếp 5 tiết, nhằm đảm bảo quá trình thu thập dữ liệu diễn ra liên tục, giúp nhận diện đầy đủ các biểu hiện và tương tác của diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong môi trường lớp học nói tiếng Anh.

3.3. Phương pháp thu thập dữ liệu

(1) Quan sát trực tiếp: nhà nghiên cứu tham dự toàn bộ buổi thực hành nói, ghi chú chi tiết các tình huống giao tiếp nổi bật, cách phát biểu, phản hồi, tranh luận, hoặc biểu hiện “lệch pha”, hiểu lầm, hòa nhập trong diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền. Quá trình quan sát đặc biệt chú ý sự khác biệt về cách sử dụng ngôn ngữ, quy tắc lịch sự, hình thức ứng xử của sinh viên các vùng miền khác nhau và cách điều phối của giảng viên.

(2) Phỏng vấn bán cấu trúc: sau buổi quan sát, thực hiện phỏng vấn bán cấu trúc với giảng viên giảng dạy và đại diện một số nhóm sinh viên (mỗi nhóm 2-3 sinh viên, đại diện các vùng miền khác nhau). Nội dung phỏng vấn tập trung vào trải nghiệm giao tiếp, cảm nhận về khác biệt vùng miền, khó khăn/ thành công khi tham gia lớp học nói, cũng như các giải pháp điều phối, hỗ trợ từ phía giảng viên.

3.4. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu thu thập được từ quá trình quan sát trực tiếp và phỏng vấn bán cấu trúc sẽ được phân tích theo phương pháp phân tích nội dung (content analysis).

Trước hết, các ghi chú quan sát và ý kiến phỏng vấn sẽ được mã hóa theo các chủ đề và tiêu chí liên quan đến diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền, dựa trên khung lý thuyết của Byram [1] và Duranti [2]. Quá trình mã hóa tập trung

vào việc nhận diện sự khác biệt trong phong cách phát biểu, lựa chọn ngôn ngữ, quy tắc lịch sự, cách xử lý xung đột giao tiếp và biểu hiện bản sắc vùng miền.

Bên cạnh đó, các trích đoạn tiêu biểu từ quan sát và phỏng vấn sẽ được phân tích sâu để làm rõ các hiện tượng “lệch pha”, hòa nhập, hoặc những chiến lược thích nghi của sinh viên và giảng viên trong lớp học nói đa vùng miền.

Việc đối chiếu và tổng hợp dữ liệu từ hai nguồn (quan sát và phỏng vấn) giúp đảm bảo tính khách quan, đồng thời làm nổi bật các yếu tố động lực, rào cản và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học tiếng Anh.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

4.1.1. Kết quả từ quan sát lớp học thực tế

Quan sát buổi thực hành nói kéo dài 5 tiết cho thấy diễn ngôn của sinh viên trong lớp học nói tiếng Anh mang tính đa dạng văn hóa vùng miền rõ nét, phản ánh qua các hành vi giao tiếp đặc trưng của từng nhóm vùng miền. Trên cơ sở phân tích định tính, nghiên cứu nhận diện bốn đặc điểm diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền mỗi đặc điểm phản ánh một cách thức tương tác khác nhau (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm diễn ngôn theo từng vùng miền trong lớp học nói tiếng Anh 1

Đặc điểm	Mô tả hành vi quan sát được	Ví dụ
Đối với sinh viên		
1. Diễn ngôn thận trọng - chuẩn mực	Sinh viên ưu tiên diễn đạt gọn, đúng chuẩn, tránh tranh luận trực tiếp, giữ thái độ dè dặt; thường kết thúc phát biểu sớm để tránh phát sinh xung đột.	“In my opinion, English is very important... That’s all from me” (SV miền Bắc)
2. Diễn ngôn khiêm tốn, né tránh đối đầu	Phát biểu ngắn, đi thẳng vào ý chính; né tránh dẫn dắt thảo luận; hạn chế mở rộng hoặc phản biện.	“Um... that’s just what I think, I don’t know what else to say...” (SV miền Trung)
3. Diễn ngôn chủ động - kết nối tương tác	Chủ động mở đầu, duy trì, và mở rộng cuộc thảo luận; dùng giọng điệu thân thiện và câu hỏi mời gọi để tạo tương tác nhóm.	“Do you think so?” / “Could you explain your idea more?” (SV miền Nam)
Đối với giảng viên		
4. Diễn ngôn hỗ trợ - điều phối	Giảng viên điều phối để cân bằng mức độ tham gia; khuyến khích các nhóm vùng miền; tạo môi trường an toàn để giảm rụt rè và khác biệt.	“What do the students from Central and Northern regions think...? Please feel free to share”.

Kết quả cho thấy, việc sử dụng ngôn ngữ bị ảnh hưởng từ rất nhiều yếu tố, ví dụ giới tính, nền tảng gia đình, đến từ nông thôn hay thành thị, đặc biệt khả năng tiếng Anh, v.v.

Kết quả cũng cho thấy, sinh viên miền Bắc thường thể hiện diễn ngôn thận trọng - chuẩn mực, với cách phát biểu ngắn gọn, trang trọng, tránh tranh luận trực diện để duy trì thể diện. Sinh viên miền Trung biểu hiện hình thức diễn ngôn khiêm tốn, né tránh đối đầu, ít mở rộng nội dung, hạn chế dẫn dắt thảo luận và tránh xung đột. Ngược lại, sinh viên miền Nam nổi bật với cách diễn ngôn chủ động - kết nối tương tác, thường xuyên khơi mở, duy trì và mở rộng

trao đổi bằng lời mời gọi, ngữ điệu thân thiện và phản hồi linh hoạt.

Bên cạnh đó, giảng viên đóng vai trò trung tâm trong việc điều phối diễn ngôn lớp học thông qua mẫu hình diễn ngôn hỗ trợ và điều phối, giúp tạo môi trường an toàn, cân bằng mức độ tham gia giữa các nhóm vùng miền và giảm thiểu lệch pha giao tiếp.

Những đặc điểm này cho thấy diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học không chỉ phản ánh sự đa dạng vùng miền mà còn cấu thành các kiểu mẫu giao tiếp ổn định có thể phân loại, mô tả và phân tích như các đặc điểm diễn ngôn mang tính loại hình.

4.1.2. Kết quả từ phỏng vấn

a. Kết quả phỏng vấn sinh viên

Phỏng vấn bán cấu trúc với các nhóm sinh viên đại diện cho từng vùng miền đã khẳng định và làm rõ các phát hiện từ quan sát lớp học. Sinh viên miền Bắc cho biết các em thường “ngại nói trước”, thích lắng nghe rồi mới bày tỏ ý kiến để tránh mắc lỗi hoặc gây hiểu lầm. Sinh viên miền Trung nhấn mạnh cảm giác “không tự tin khi sử dụng tiếng Anh học thuật”, nên thường chỉ phát biểu ngắn gọn, ít tranh luận. Ngược lại, sinh viên miền Nam tự nhận thấy mình chủ động, sẵn sàng trình bày ý kiến ngay cả khi chưa thực sự chắc chắn về ngữ pháp, miễn là được tham gia thảo luận.

Hầu hết sinh viên đều nhận thức được sự khác biệt vùng miền trong lớp học. Các em cho rằng, chính sự đa dạng này làm cho lớp học trở nên phong phú, nhưng đồng thời cũng tạo ra những rào cản nhất định: đôi khi không hiểu ý bạn, lo ngại mâu thuẫn khi bất đồng quan điểm, hoặc sợ bị đánh giá. Một số sinh viên thừa nhận rằng, nhờ có sự động viên, gợi ý và giải thích của giảng viên, các em cảm thấy dễ hòa nhập hơn và mạnh dạn phát biểu, tranh luận hơn so với ban đầu.

Bảng 2 thể hiện ví dụ minh họa kết quả phỏng vấn nhóm sinh viên từ 3 miền.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn 3 sinh viên từ 3 miền

Vùng miền/ Câu hỏi	Phát biểu của sinh viên
“Bạn cảm thấy như thế nào khi tham gia phát biểu và thảo luận trong lớp học nói tiếng Anh với các bạn đến từ vùng miền khác?”	
Miền Bắc	“Em thường ngại nói trước, sợ nói sai hoặc bị bạn khác hiểu lầm, nên em thường lắng nghe rồi mới phát biểu”.
Miền Trung	“Em không tự tin nói tiếng Anh, sợ phát âm sai, nên chỉ dám nói ngắn gọn. Khi thảo luận với bạn miền khác em cũng hơi lo lắng”.
Miền Nam	“Em thấy tham gia thảo luận với các bạn vùng khác rất vui, em không ngại phát biểu, có sai thì mình sửa sau cũng được”.
Theo bạn, sự khác biệt vùng miền ảnh hưởng như thế nào đến cách các bạn giao tiếp và hợp tác trong lớp học nói tiếng Anh?	
Miền Bắc	“Em thấy sự khác biệt vùng miền làm cho mỗi bạn có cách nói chuyện riêng, có bạn nói rất tự nhiên, có bạn thì nói ít. Khi làm việc nhóm, em phải lắng nghe kỹ hơn để hiểu ý các bạn và cũng cố gắng nói rõ hơn ý của mình”.
Miền Trung	“Em thấy có nhiều lúc các bạn nói nhanh quá hoặc dùng từ em chưa quen, nên em phải hỏi lại. Nhóm em có bạn miền Nam hay pha trò nên không khí vui hơn, nhưng em cũng ngại chủ động phát biểu”.

Miền Nam	<i>“Em nghĩ nhờ có bạn ở nhiều vùng nên tại em học được nhiều cách nói và suy nghĩ. Nhiều lúc khác biệt cũng gây hiểu lầm nhưng trao đổi nhiều thì quen dần, mọi người dễ hợp tác hơn”.</i>
<i>Sau một thời gian học tập cùng các bạn vùng miền khác, bạn thấy mình có thay đổi gì về cách phát biểu, giao tiếp hoặc làm việc nhóm không?</i>	
Miền Bắc	<i>“Em tự tin hơn, dám phát biểu ý kiến nhiều hơn, cũng chủ động lắng nghe và giải thích cho các bạn rõ ràng hơn”.</i>
Miền Trung	<i>“Em học được cách chia sẻ ý kiến nhiều hơn, bớt ngại khi tranh luận và không còn sợ nói sai như trước”.</i>
Miền Nam	<i>“Em biết kiềm chế nói nhanh, lắng nghe các bạn nhiều hơn và học thêm được các cách diễn đạt hay từ các vùng miền khác”.</i>
<i>Bạn đánh giá thế nào về vai trò của giảng viên trong việc tạo điều kiện cho sinh viên các vùng miền giao tiếp hiệu quả với nhau?</i>	
Miền Bắc	<i>“Giảng viên luôn động viên và tạo không khí thoải mái, hay chia nhóm kết hợp các bạn vùng khác nhau để mọi người làm quen và hỗ trợ nhau”.</i>
Miền Trung	<i>“Cô giáo thường khuyến khích em phát biểu và giúp em giải thích ý kiến cho các bạn hiểu rõ hơn. Em thấy cô rất hiểu tâm lý sinh viên vùng miền”.</i>
Miền Nam	<i>“Em thích cách thầy/cô đặt câu hỏi mở, không chê bai khi mình nói sai, luôn khen ngợi hoặc bổ sung ý để mình và các bạn cùng tiến bộ”.</i>

b. Kết quả phỏng vấn giảng viên trực tiếp giảng dạy

Giảng viên nhận xét rằng, lớp học nói tiếng Anh với sinh viên đến từ nhiều vùng miền thực sự đa dạng về phong cách giao tiếp, mức độ chủ động và cách thể hiện bản thân:

“Tôi thấy các nhóm sinh viên khác nhau rõ rệt: miền Bắc thì cẩn trọng, chuẩn bị kỹ và khá dè dặt; miền Trung thường ngắn gọn, ít tranh luận; miền Nam lại thoải mái, chủ động và hay dẫn dắt nhóm. Sự đa dạng này làm lớp học sôi động nhưng cũng khiến tôi phải nỗ lực cân bằng, khuyến khích mọi nhóm đều tham gia”.

Bên cạnh đó, theo giảng viên, việc tạo ra một môi trường học an toàn, thân thiện và linh hoạt trong điều phối hoạt động nhóm theo từng chủ đề là yếu tố then chốt giúp giảm bớt sự ngần ngại, đồng thời phát huy được vai trò và điểm mạnh của từng nhóm sinh viên. *“Tôi luôn cố gắng tạo không khí thân thiện và khuyến khích mọi ý kiến, dù nhỏ. Khi chia nhóm, tôi kết hợp sinh viên các vùng miền và phân vai linh hoạt để ai cũng có cơ hội tham gia. Khi cảm thấy an toàn, ngay cả những bạn rụt rè cũng dám phát biểu, nhận vai trò trưởng nhóm hoặc trình bày trước lớp. Nhờ đó, mỗi nhóm đều phát huy được điểm mạnh riêng”.*

Cuối cùng, giảng viên cho rằng nếu biết khai thác tốt sự khác biệt vùng miền, lớp học sẽ trở thành môi trường tích cực giúp sinh viên phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa và tự tin hơn trong kỹ năng nói tiếng Anh: *“Tôi nhận thấy nếu chủ động khai thác sự khác biệt vùng miền, lớp học sẽ sôi động và thú vị hơn. Khi các nhóm trình bày theo phong cách riêng hoặc chia sẻ nét địa phương, cả lớp vừa hiểu nhau hơn vừa giúp sinh viên tự tin nói tiếng Anh và phát triển kỹ năng giao tiếp liên văn hóa một cách tự nhiên”.*

4.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu đã làm nổi bật vai trò chi phối của yếu tố vùng miền và cá nhân trong việc hình thành diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền giữa giảng viên và sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh trong lớp học nói tiếng

Anh. Sự khác biệt về phong cách phát biểu, mức độ chủ động, lựa chọn ngôn từ, cũng như quy tắc lịch sự - thể hiện rõ nét giữa sinh viên các vùng miền (Bắc - cẩn trọng, Trung- ngắn gọn, Nam - chủ động, linh hoạt) - là minh chứng sống động cho ảnh hưởng của văn hóa vùng miền và tính cách cá nhân đến giao tiếp lớp học, nhất quán với mục tiêu đề ra và các góc nhìn “bản sắc, thực hành, hệ thống” của Duranti [2]. Kết quả cũng cho thấy, những yếu tố như rụt rè, thiếu tự tin hay mạnh dạn phát biểu có thể là rào cản hoặc động lực cho chất lượng diễn ngôn, đồng thuận với phân tích của Aksin [9] về vai trò cá tính cá nhân trong môi trường đa dạng văn hóa vùng miền.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền không đơn thuần là hiện tượng bề nổi, mà còn chứa các quy tắc ngầm định, “luật chơi” nhóm và sự vận động bản sắc cá nhân, vùng miền, chuyên ngành. Sau thời gian học chung, sinh viên dần trở nên cởi mở hơn, chủ động điều chỉnh cách giao tiếp để thích nghi, phù hợp với quan điểm “văn hóa là thực hành” và là quá trình xây dựng cộng đồng mới trong lớp học.

Kết quả xác nhận ICC giữ vai trò quyết định giúp sinh viên thích nghi, hợp tác, xử lý các tình huống hiểu lầm, lệch pha trong lớp học đa vùng miền. Sinh viên có thái độ cởi mở, chủ động khám phá, sẵn sàng điều chỉnh hành vi giao tiếp sẽ dễ hòa nhập và góp phần tạo dựng môi trường học tập đa dạng, tích cực. Ý kiến của sinh viên về quá trình phát triển tự tin, biết phản biện, dám chia sẻ cho thấy sự phát triển đồng thời các thành tố kỹ năng, thái độ, nhận thức ICC - tác động thực sự tới hiệu quả diễn ngôn lớp học.

Bên cạnh đó, vai trò của giảng viên trong điều phối, tạo môi trường học an toàn, thân thiện, linh hoạt là yếu tố then chốt để “kích hoạt” sự phát triển năng lực ICC cho sinh viên. Sự chủ động kết nối, khuyến khích sinh viên thể hiện bản sắc vùng miền, động viên từng nhóm đã giúp giảm rào cản, phát huy điểm mạnh, biến khác biệt thành động lực tích cực, giúp lớp học nói tiếng Anh trở nên sinh động, hiệu quả và lành mạnh.

Tóm lại, nghiên cứu đã chứng minh giá trị của việc kết hợp khung lý thuyết ICC với sáu góc nhìn của Duranti [2] trong phân tích diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền lớp học nói tiếng Anh, khẳng định: (1) yếu tố vùng miền và cá nhân tạo nên đặc điểm diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền; (2) năng lực giao tiếp liên văn hóa quyết định khả năng thích nghi, hòa nhập, hợp tác và phát triển kỹ năng nói của sinh viên năm nhất trong lớp học đa dạng tại Việt Nam.

5. Kết luận

Nghiên cứu đã làm rõ vai trò và tác động của diễn ngôn đa dạng văn hóa vùng miền trong lớp học nói tiếng Anh của sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Anh tại một trường đại học Việt Nam. Kết quả cho thấy, sự đa dạng vùng miền và khác biệt cá nhân tạo nên những đặc điểm giao tiếp đa dạng, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho cả sinh viên và giảng viên trong quá trình tương tác học thuật. Việc phát triển ICC đóng vai trò quan trọng, giúp sinh viên thích nghi, hợp tác hiệu quả và từng bước xây dựng sự tự tin trong giao tiếp học thuật bằng tiếng Anh. Vai trò điều phối, khuyến khích và định hướng của giảng viên cũng là yếu tố then chốt, góp phần phát huy điểm mạnh và giảm thiểu rào

cần của từng nhóm sinh viên. Nghiên cứu khẳng định giá trị thực tiễn của việc kết hợp khung lý thuyết ICC với sáu góc nhìn văn hóa của Duranti trong phân tích hiện tượng lớp học đa dạng văn hóa vùng miền.

6. Hạn chế

Nghiên cứu này mới chỉ tập trung quan sát một buổi thực hành nói trong một lớp học với số lượng sinh viên và giảng viên tham gia phỏng vấn còn hạn chế, chưa phản ánh đầy đủ các bối cảnh đa dạng khác nhau. Dữ liệu chủ yếu mang tính định tính, chưa kết hợp với các phương pháp định lượng như khảo sát, ghi âm, phân tích sản phẩm học tập nên còn thiếu tính khái quát. Ngoài ra, kết quả còn phụ thuộc vào cảm nhận chủ quan của người nghiên cứu.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, đề xuất nhóm tác giả và các nhóm nghiên cứu khác tiếp tục mở rộng phạm vi đối tượng và thời gian quan sát, kết hợp các phương pháp thu thập dữ liệu đa dạng để tăng độ tin cậy và tính tổng quát. Đồng thời, cần tích hợp các hoạt động phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa vào chương trình đào tạo và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng quản lý lớp học đa dạng văn hóa vùng miền cho giảng viên, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy-học tiếng Anh trong môi trường đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M. Byram, *Teaching and Assessing Intercultural Communicative Competence*. Clevedon: Multilingual Matters, 1997.
- [2] A. Duranti, *Linguistic Anthropology*. Cambridge: Cambridge University Press, 1997.
- [3] J. P. Gee, *An Introduction to Discourse Analysis: Theory and Method*, 4th edition. London: Routledge, 2014.
- [4] N. Quang, *Communication and Intercultural Communication*. Hanoi: Vietnam National University Publishing House, 2002.
- [5] T. N. Them, *Exploring Vietnamese Cultural Identity: A Systematic-Typological Perspective*. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City General Publishing House, 2004.
- [6] H. S. T. Kiet, "Developing Intercultural Awareness and Attitudes of Vietnamese Learners of English: Case Studies," *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 12, no. 109, pp. 81–85, 2016.
- [7] J. W. Creswell, *Qualitative Inquiry and Research Design: Choosing Among Five Approaches*, 3rd edition. Los Angeles: SAGE Publications, 2013.
- [8] R. K. Yin, *Case Study Research and Applications: Design and Methods*, 6th edition. Los Angeles: SAGE Publications, 2018.
- [9] A. Aksin, "Five-factor personality traits as predictors of intercultural sensitivity among Turkish preservice teachers", *Heliyon*, vol. 9, no. 7, e17867, 2023. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e17867>